TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 698/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2018/QĐST–HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị M, địa chỉ: Đường I, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Anh T; địa chỉ: Đường I, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08/01/2018, nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày:

Tôi và ông Hoàng Anh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phú (Nay là tỉnh Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, Quyển số 01 ngày 09/02/1995.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Tuấn không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác, không quan tâm đến gia đình. Tôi đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2011 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn khả năng hàn gắn, yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng V, sinh ngày 27/10/1996, đã thành niên và Hoàng N, sinh ngày 18/3/2003. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên tên Hoàng N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Hoàng Anh T có đơn xin vắng mặt, đề ngày 06/4/2018, trình bày: Do ông T bận công việc phải đi làm ăn xa, không thể có mặt khi Tòa án triệu tập nên đã làm đơn xin được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, kể cả phiên tòa xét xử và xin chấp thuận theo phán quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Đỗ Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với ông Hoàng Anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Sổ hộ khẩu số 31100095552 do Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, ông Hoàng Anh T đã đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ Đường I, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/5/2016. Bà Đỗ Thị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Hoàng Anh T có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Loan thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Hoàng Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 16, Quyển số 01 ngày 09/02/1995 đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phú (Nay là tỉnh Phú Thọ), quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị M và ông Hoàng Anh T là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà M và ông T phát sinh mâu thuẫn mà theo bà M trình bày là do ông T không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác, thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, từ đó dẫn đến quan hệ vợ chồng không hạnh phúc. Bà M xác định không còn tình cảm với ông T, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trình bày: *"do công việc phải đi làm ăn xa, không thể có mặt khi Tòa án triệu tập nên đã làm đơn xin được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, kể cả phiên tòa xét xử và xin chấp thuận theo phán quyết của Tòa án"*. Qua đó cũng đã chứng minh rằng ông T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Hoàng V, sinh ngày 27/10/1996 và Hoàng N, sinh ngày 18/3/2003.

Xét yêu cầu của bà M đối với con chung chưa thành niên: Trẻ Hoàng N hiện do bà M đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, vì lợi ích và đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, nên đối với yêu cầu được quyền nuôi con của bà M là có cơ sở nên chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T do bà M không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Đỗ Thị Mai phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M về việc "Ly hôn".

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị M được ly hôn với ông Hoàng Anh T.

1.2/. Về con chung: Có 01 con chung chưa thành niên tên Hoàng N, sinh ngày 18/3/2003.

- Bà M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng N đến tuổi thành niên.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T do bà M không có yêu cầu.

- Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3/. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị M phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0007587 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Phước Lý

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- UBND xã D, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (GCN KH số 16, Quyển số 01 ngày 09/02/1995);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.